

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/DS-ST

Ngày: 21 / 5 / 2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Trang;
- Ông Trần Thế Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 633/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Kim B, sinh năm 1977; địa chỉ; số C đường H, tổ C, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Quang A - Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Quang A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; có mặt.

Bị đơn: Ông Thi Cẩm S, sinh năm 1982 và bà Phạm Thị Trúc G, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang.

Có bà Trần Thị Liên H, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/11/2024); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày: Do quen biết từ trước, bà Tô Kim B có cho ông Thi Cẩm S và bà Phạm Thị Trúc G vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng (thỏa thuận miệng thời gian vay lãi 05 tháng), thời hạn vay 05 tháng, mục đích vay để nhập thẻ sim, có viết biên nhận nhận tiền. Cụ thể:

+ Ngày 05/7/2022 vay 150.000.000 đồng;

+ Ngày 10/7/2022 vay 150.000.000 đồng

Từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022, vợ chồng S, G có đóng lãi được mỗi tháng 7.500.000 đồng thì ngưng, không trả vốn. Nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng S, G đều hứa hẹn vài bữa lo tiền trả nhưng rồi lánh mặt.

Xác định tháng 01/2024 ông S có trả số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi của năm 2023.

Nay Bà Tô Kim B yêu cầu vợ chồng Thi Cẩm S và Phạm Thị Trúc G trả vốn vay 300.000.000 đồng và lãi suất quá hạn từ tháng 01/2023 cho đến khi xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 (bản chính), giấy biên nhận tiền ngày 10/7/2022 (bản chính) cùng các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan trong hồ sơ vụ án.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thi Cẩm S trình bày: Xác định do quen biết nên có hỏi vay tiền của bà Tô Kim B số tiền 300.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 05/7/2022 vay 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thỏa thuận miệng thời gian vay 05 tháng lãi, đến hạn trả nợ gốc cho bà B.

+ Ngày 10/7/2022 vay 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận.

Mục đích vay để nhập thẻ sim về bán, ông S là người trực tiếp ký tên trên giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 và 10/7/2022. Từ khi vay đóng lãi đầy đủ đến tháng 12/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận, đến đầu năm 2023 thì không còn khả năng trả lãi cho bà B, đến tháng 01/2024 có trả tiền lãi 20.000.000 đồng. Có ký tên trên giấy biên nhận tiền, mục đích vay tiền để nhập sim về bán, vợ (G) không có sử dụng số tiền vay này.

Xác định còn nợ bà Tô Kim B vốn gốc 300.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền vốn gốc, xin không tính lãi quá hạn.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Trúc G trình bày: Xác định có biết việc ông S (chồng) vay tiền của bà B, tuy nhiên không biết số tiền bao nhiêu, ngày 10/7/2022 có cùng ông S vào nhà bà B và có biết việc ông S hỏi vay tiền của bà B. Xác định không sử dụng số tiền ông S vay, không có ký tên trong giấy biên nhận tiền nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu bà G cùng S trả nợ 300.000.000 đồng. Xác định

thời gian đầu mua bán sim có lời ông S có dung tiền lời để lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, đóng tiền học cho con nhưng về sau việc kinh doanh mua bán sim lỗ nên một mình bà G lo kinh tế trong gia đình.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn xác định: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông S và bà G cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 01/2024 cho đến khi xét xử xong theo mức lãi suất chậm trả của quy định pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: xác định S có vay tiền của bà B 300.000.000 đồng, đã đóng lãi được tổng cộng 57.500.000 đồng (trong đó, 7.500.000 đồng/tháng x 5 tháng + 20.000.000 đồng). Đồng ý trả số nợ vốn gốc, trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, thống nhất việc yêu cầu tính lãi của phía nguyên đơn từ tháng 01/2024 cho đến khi xét xử xong theo mức lãi suất pháp luật quy định. Không yêu cầu xem xét lại tiền lãi ông S đã đóng cho bà B.

- Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Kim B, buộc vợ chồng Thi Cẩm S, Phạm Thị Trúc G có trách nhiệm trả số tiền gốc 300.000.000 đồng và tính lãi quá hạn từ đầu tháng 01/2024 cho đến khi xét xử xong.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: về vốn vay: Nguyên đơn bà B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông S, bà G trả 300.000.000 đồng vốn vay. Ông S thừa nhận có vay tiền bà B và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, ông xác định mục đích sử dụng vốn vay để mua bán sim (kinh doanh). Đối với bị đơn bà G mặc dù không đồng ý cùng ông S liên đới trả khoản nợ vay cho bà B. Tuy nhiên, bà G thừa nhận ông S sử dụng tiền lời từ việc kinh doanh mua bán sim sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình và lo cho con ăn học. Bên cạnh đó, bà biết được việc ông S vay tiền của bà B, riêng khoản vay ngày 10/7/2022 bà G có cùng ông S lên nhà bà B có biết việc ông S vay tiền bà B. Từ đó có căn cứ xác định ông S và bà G vay tiền của bà B 300.000.000 đồng. Quá trình thực hiện thỏa thuận vay nợ trên, ông S và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó bà B khởi kiện yêu cầu ông S và bà G trả 300.000.000 đồng tiền vốn là có căn cứ.

Đối với lãi suất vay: Theo nguyên đơn bà B cho rằng đã nhận lãi của bị đơn từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022 mỗi tháng 7.500.000 đồng (2,5%/tháng). Bị đơn ông S thống nhất đã trả lãi cho bà B từ 8/2022 đến tháng 12/2022. Nhưng ông cho rằng trả mỗi tháng 9.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai không còn chứng cứ khác nên không có cơ sở xem xét. Từ đó có cơ sở xác định bà B đã

nhận tiền lãi của ông S từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022 mỗi tháng 7.500.000 đồng. Bà B và ông S thống nhất tháng 01/2024 ông S có trả lãi thêm số tiền là 20.000.000 đồng (lãi năm 2023).

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với nhau về việc lãi suất được tính từ ngày 01/01/2024 mức lãi suất theo quy định của pháp luật và không xem xét lại tiền lãi đã đóng trước đó nên cần xem xét chấp nhận.

Đối với việc bị đơn xin trả dần 10.000.000 đồng từ ngày 28/02/2025. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền bị đơn xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng phía nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông S và bà G liên đới trả vốn và lãi số tiền 383.178.082 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn có nơi cư trú tại khóm T, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Thời hiệu khởi kiện:* Nguyên đơn và bị đơn xác định việc vay tiền được xác lập theo giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 và ngày 10/7/2022. Đến ngày 31/10/2024, nguyên đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về vốn vay và lãi suất:

- Vốn vay: Nguyên đơn bà Tô Kim B khởi kiện yêu cầu bị đơn Thi C và Phạm Thị Trúc G trả số tiền vay 300.000.000 đồng theo giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 và ngày 10/7/2022.

Bị đơn Thi Cẩm S xác định có ký giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 và ngày 10/7/2022 với nguyên đơn Tô Kim B số tiền vốn vay tổng cộng là 300.000.000 đồng.

Bị đơn Phạm Thị Trúc G xác định có biết việc ông S vay tiền nhưng không biết bao nhiêu, không ký biên nhận vay tiền.

Xét, nguyên đơn bà Tô Kim B và bị đơn Thi Cẩm S cùng xác định vốn vay là 300.000.000 đồng theo các giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 và ngày 10/7/2022. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác định ông S có vay số tiền 300.000.000 đồng của bà Tô Kim B. Do đó, xác định số tiền vay theo các giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 và ngày 10/7/2022 là 300.000.000 đồng.

Việc thỏa thuận giữa các bên là vay tiền, nội dung không trái quy định pháp luật và được các bên thừa nhận nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận bị đơn ông S ký tên giấy nhận tiền vay không thực hiện theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay là có căn cứ chấp nhận như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa.

- Lãi suất: Theo Giấy biên nhận tiền, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn T Cẩm Sang xác định thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/tháng, thời hạn đóng lãi là 05 tháng. Nguyên đơn xác định đã nhận tiền lãi tổng cộng là 57.500.000 đồng (trong đó, 7.500.000 đồng/tháng x 5 tháng + 20.000.000 đồng), bị đơn Thi C xác định đóng lãi đầy đủ 5 tháng với lãi suất 3%/tháng và đóng lãi thêm 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định S có đóng tiền lãi 05 tháng như lời trình bày của nguyên đơn 7.500.000 đồng/tháng x 5 tháng là 37.500.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất tính tiền lãi từ tháng 01/2024 cho đến khi xét xử xong.

Xét, theo các giấy biên nhận tiền ngày 05/7/2022 và ngày 10/7/2022 và lời khai của bị đơn Thi Cẩm S thể hiện ông S thỏa thuận thời gian vay 05 tháng và đóng lãi đầy đủ, sau đó thì ngưng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ tháng 01/2024 là có căn cứ theo qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tiền lãi được tính như sau:

* Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 21/5/2025 là 506 ngày

$300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 506 \text{ ngày} = 83.178.082 \text{ đồng}.$

* Như vậy, tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 21/5/2025) là:

$300.000.000 \text{ đồng} + 83.178.082 \text{ đồng} = 383.178.082 \text{ đồng}.$

[4] Về trách nhiệm trả nợ:

Căn cứ lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, bị đơn S + G và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa đều xác định Thi Cẩm S là người trực tiếp vay tiền và nhận tiền vay, ký tên trên giấy biên nhận tiền.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Thi Cẩm S và Phạm Thị Trúc G cùng có trách nhiệm trả nợ vay. Bị đơn Thi Cẩm S xác định có vay tiền, ký tên và đồng ý trả nợ. Bị đơn Phạm Thị Trúc G xác định biết việc S vay tiền, không ký tên trong giấy biên nhận tiền, biết việc S vay tiền để mua bán sim điện thoại, việc mua bán sim của S có lời dùng vào sinh hoạt gia đình, đóng học phí cho con.

Xét, các giấy biên nhận tiền đều thể hiện người vay là T Cẩm Sang ký tên, S cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận tiền của bà B. G xác định không ký tên trên biên nhận tiền, có cùng S đến nhà bà B một lần và biết việc S vay tiền của bà B nhằm mục đích kinh doanh mua bán sim điện thoại, đồng thời xác định

việc kinh doanh mua bán sim điện thoại của S có lời dùng vào sinh hoạt gia đình và đóng tiền học cho con. Xét, G cho rằng không trực tiếp ký tên trong giấy biên nhận tiền, không sử dụng chung số tiền vay của bà B nhưng biết việc S vay tiền của bà B để mua bán sim điện thoại, việc S mua bán sim điện thoại đã có từ trước, tiền lời cũng dùng vào sinh hoạt gia đình và lo học phí cho con, có cùng S đến nhà bà B để S nhận tiền nhưng cho rằng việc mua bán sim của S sau này bị lỗ, không lo cho gia đình được nhưng không có chứng cứ chứng minh. Việc vay tiền của S mua bán sim điện thoại mục đích cũng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, việc kinh doanh là có lời có lỗ. Việc ông S nợ tiền của bà B còn trong thời kỳ hôn nhân giữa S – G nên bà B có yêu cầu S – G cùng liên đới trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn Thi Cẩm S có yêu cầu được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để xem xét.

Do đó, buộc ông Thi Cẩm S và bà Phạm Thị Trúc G có trách nhiệm liên đới trả cho bà Tô Kim B số tiền vốn lãi là **383.178.082 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị đơn Thi Cẩm S và Phạm Thị Trúc G có trách nhiệm liên đới trả nợ nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.158.904 đồng, làm tròn số là 19.159.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí lại cho nguyên đơn.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 27 và 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Thi Cẩm S và bà Phạm Thị Trúc G liên đới trả cho bà Tô Kim B số tiền vốn lãi là phải **383.178.082 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Ông Thi Cẩm S và bà Phạm Thị Trúc G liên đới chịu 19.159.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tô Kim B1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai số 0004152 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc